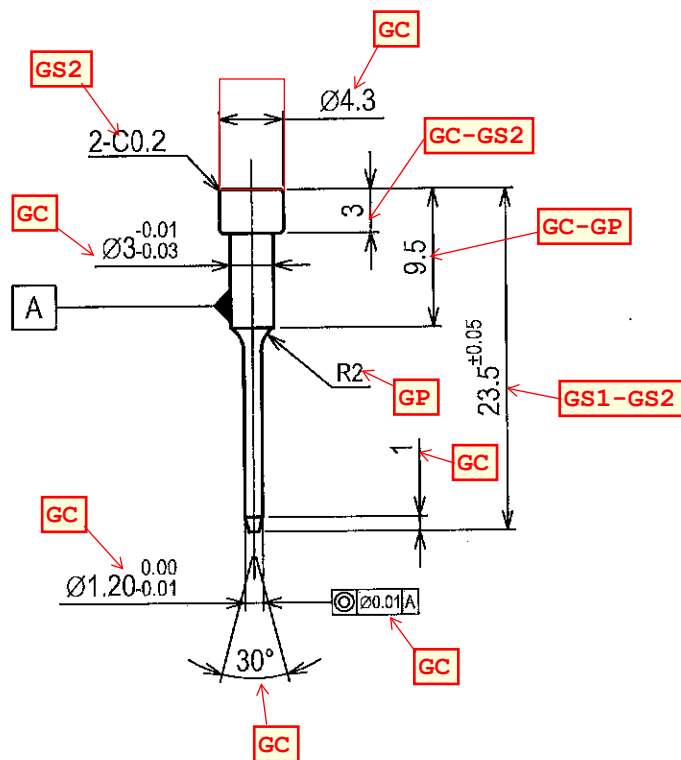


REV	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2015/03/24			Nguyen_Cong_Van	Nguyen_Van_Cuong	Pham_Thanh_Tung	$0.5 \leq \leq 6$ $\pm 0.1$
1	2020/02/05	Change drawing border and title block		Nguyen_Cong_Van	Nguyen_Van_Cuong	Dong_Khac_Tu	$6 < \leq 30$ $\pm 0.2$
							$30 < \leq 120$ $\pm 0.3$
							$120 < \leq 400$ $\pm 0.5$
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
							FINISH MARKS

GS1 cắt, lượt sáng 2 đầu  
Ø4.25\*33

G  
Ra 1.6



60/  
40/  
120/  
40/  
90/  
60/  
20

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Pham_Thanh_Tung	SKD11	2:1	部品図 PART DRAWING	位置決めピン POSITIONING PIN
Nguyen_Van_Cuong		A4	部品図 部品圖	位置決銷 位置決銷
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Nguyen_Van_Cuong	HRC 60 ~ 62	A4	2015/03/23	S951580

φ5x53

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

414 205 0004

SNO: **S951580**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKH51</b> <b>Ø4.25*40</b>	GS1:15 GC:90 GP:20 GS2:20 KT